Biểu mẫu 01

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TÂN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe với sự giúp dỡ của người lớn -Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở - Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi còn dưới 5% và giảm so với đầu năm học. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành (theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)	Chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành (theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	***/ Thể chất:** - 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối	***/Thể chất:** -Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe

		hợp tay – chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. ***/ Tình cảm xã hội:** -Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc ***/ Nhận thức:** - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc ***/ Ngôn ngữ:** -Nghe hiểu đước các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp	- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt -Rèn luyện kỷ năng Bé tập làm nội trợ ***/ Tình cảm xã hội:** -Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe - Có một số kỷ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh ***/ Nhận thức:** - Có khả năng quan sát, so sánh , phán đoán - Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán ***/Ngôn ngữ:** -Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…) - Diễn đạt rõ rang và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết

		***/ Thẩm mỹ:** - Có cảm nhận cơ bản vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.	***/ Thẩm mỹ:** - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trường có 3 lớp NT ở điểm chính, không có điểm phụ. Thực đơn phù hợp từng lứa tuổi - Tổ chức ăn sáng - Theo dõi về sức khoẻ trẻ: + Khám sức khoẻ: .Với trẻ: 2 lần/ năm (1 lần khám chuyên khoa) .Với giáo viên: 1lần/ năm .Với nhân viên cấp dưỡng: 2 lần/năm. + Tẩy giun và uống Vitamin A theo kế hoạch của Trạm y tế xã.	Trường có 12 lớp MG ở điểm chính, không có điểm phụ. Thực đơn phù hợp từng lứa tuổi - Tổ chức ăn sáng - Theo dõi về sức khoẻ trẻ: + Khám sức khoẻ: .Với trẻ: 2 lần/ năm (1 lần khám chuyên khoa) .Với giáo viên: 1lần/ năm .Với nhân viên cấp dưỡng: 2 lần/năm. + Tẩy giun và uống Vitamin A theo kế hoạch của Trạm y tế xã.

Tân Long, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Tám

Biểu mẫu 02

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TÂN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	406			68	93	134	111
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	02			1		1	
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	406			68	93	134	111
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	406			68	93	134	111
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	406			68	93	134	111
V	**Kết quả phát triển sk của trẻ em**							
1	*Số trẻ phát triển bình thường*	302			52	74	103	73
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	9			3	0	2	4
3	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	6			3	1	2	0
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng cả 2 thể*	6			2	1	2	1
5	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm*	6			1	3	1	1
6	*Số trẻ thừa cân*	38			3	7	17	11
7	*Số trẻ béo phì*	39			4	7	7	21
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	68			68			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	338				93	134	111

Tân Long, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN H. PHÚ GIÁO - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂN LONG

Nguyễn Thị Tám

Biểu mẫu 03

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TÂN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**	15	Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	9	4,52
2	Phòng học bán kiên cố	6	3,58
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường** (m^2)	8064,6 m^2	19,86m^2/trẻ em
V	**Tổng diện tích sân chơi** (m^2)	10560 m^2	26,01 m^2/trẻ em
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)	1,239 m^2	3,05 m^2
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)	240m^2	0,59m^2
4	Diện tích hiên chơi (m^2)	438,16 m^2	1,08 m^2
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*	74,34m^2	0,18m^2
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*	74,34m^2	0,18m^2
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)	**160**	0,39m^2
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	15 bộ/15 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**		
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**	15	15 ti vi/15 lớp
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Máy tính	25	10 cái phòng chức năng và 15 cái/15 lớp
2	Đàn	2	3
3	Máy phô tô	1	1
9	Bàn ghế đúng quy cách	200 bộ	2 trẻ/bộ

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	18	0	15 (240 m^2)	0	0,59 m^2/1 trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	

Tân Long, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN H. PHÚ GIÁO - T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂN LONG

Nguyễn Thị Tám

Biểu mẫu 04

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TÂN LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49		0	30	04	01	14	02	18	13	22	10	01	0
I	**Giáo viên**	30													
1	Nhà trẻ	6			4	2	0		0	3	3	3	3	0	
2	Mẫu giáo	24			21	2	1		2	15	7	16	7	1	
II	**Cán bộ quản lý**	3													
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	**Nhân viên**	16													
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Bảo vệ	3						3							
6	Phục vụ	2						2							
7	Cấp dưỡng	9						9							

Tân Long, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG MẦM NON TÂN LONG

Nguyễn Thị Tám